TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 298/2023/HNGĐ-ST Ngày: 09/9/2023 *V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Thị Thơm**.

Bà **Phạm Thị Thà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hậu** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 189/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/12/1992,

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người được chị H ủy quyền giao nhận văn bản: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992, địa chỉ: Số D Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn H1, sinh ngày 09/01/1989,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Văn H2, sinh năm 1966 và bà Vũ Thị T1, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H *trình bày:* Chị và anh Vũ Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là xã K), huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 11/12/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì anh H1 đi lao động tại Đài Loan, năm 2018 chị sang Đài Loan làm ăn cùng anh và đến năm 2021 chị về nước. Sau khi về nước chị phát hiện anh H1 không chung thủy với chị, anh đã có người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, gia đình hai bên nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Đầu năm 2022 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Văn B, sinh ngày 08/9/2014, hiện con đang ở với ông Vũ Văn H2 và bà Vũ Thị T1 (bố, mẹ đẻ anh H1). Chị đề nghị giao con Vũ Văn B cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao con cho ông H2, bà T1 chăm sóc cho đến khi anh H1 về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, chị ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T thay chị giao, nhận tài liệu tại Tòa án. Sau khi nhận được các tài liệu, anh T đã thông báo cho chị biết, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H1. Ông Vũ Văn H2 và bà Vũ Thị T1 (là bố mẹ đẻ anh H1) trình bày: Ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh H1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông, bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H1 biết, qua liên lạc anh H1 xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn, anh nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc,

nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền cho ông H2 và bà T1 chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Vũ Văn H2 và bà Vũ Thị T1 nhất trí thay anh H1 chăm sóc cháu Vũ Văn B cho đến khi anh H1 về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu B.

Con chung của chị H và anh H1 là cháu Vũ Văn B có nguyện vọng được ở với anh H1 và ông H2, bà T1.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị H, anh H1 sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống tại địa phương, quá trình chung sống anh H1 có thời gian dài đi lao động ở nước ngoài đến nay chưa về nước, vợ chồng mỗi người ở một nơi, cuộc sống xa cách nên không có sự chia sẻ, gắn bó. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Vũ Văn H1. Về con chung: Giao con chung Vũ Văn B cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng; chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao con chung Vũ Văn B cho ông Vũ Văn H2 và bà Vũ Thị T1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H hiện đang sinh sống ở Việt Nam; bị đơn anh Vũ Văn H1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương, hiện anh H1 đang lao động tại Đài Loan. Do vậy,

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H1. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H2 và bà T1 là bố, mẹ đẻ anh H1 để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh H1 đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông H2, bà T1 vẫn liên lạc với anh H1 và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh H1. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đã có đơn, có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K (nay là xã K), huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 11/12/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì anh H1 đi lao động tại Đài Loan, năm 2018 chị sang Đài Loan làm ăn cùng anh và đến năm 2021 chị về nước. Sau khi về nước chị phát hiện anh H1 không chung thủy với chị, anh đã có người phụ nữ khác từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Đầu năm 2022 chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Thông qua gia đình anh H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu, chị H có đơn xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn H1 có 01 con chung là Vũ Văn B, sinh ngày 08/9/2014, hiện con đang ở với ông Vũ Văn H2 và bà Vũ Thị T1. Chị H và anh H1 thống nhất giao con chung cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Con chung Vũ Văn B có nguyện vọng được ở với anh H1 và ông H2, bà T1. Anh H1 ủy quyền cho ông Vũ Văn H2 và bà Vũ Thị T1 chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho anh H1 chăm sóc nuôi dưỡng cho đến

khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu Vũ Văn B cho ông Vũ Văn H2 và bà Vũ Thị T1 nuôi dưỡng trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị H, anh H1 xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu có căn cứ, sau này các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Vũ Văn H1.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Vũ Văn H1 được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Văn B, sinh ngày 08/9/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tạm giao con chung Vũ Văn B cho ông Vũ Văn H2 và bà Vũ Thị T1 nuôi dưỡng trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi anh H1 *có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị* H *không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số

AA/2022/0004898 ngày 09/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay). Chị H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, ông Vũ Văn H2 và bà Vũ Thị T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Vũ Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường